



嘴巴
zuǐ bā



头发
tóu fa



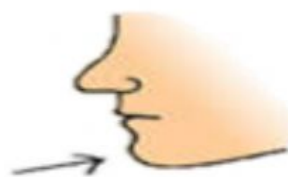
鼻子
bí zi



下巴
xià bā



眉毛
méi máo



脸
liǎn